

CHĂM SÓC VẾT THƯƠNG CÓ RÚT ỐNG DẪN LƯU

I. MỤC ĐÍCH:

- Tránh loét miệng vết thương.
- Tránh nhiễm trùng và lây chéo trong bệnh viện.
- Đề phòng tụ dịch sau mổ hay theo dõi nguy cơ chảy máu sau mổ.
- Theo dõi được diễn tiến nơi vết thương có đặt ống dẫn lưu: xì bục đường khâu miệng nối.
- Hệ thống dẫn lưu đạt hiệu quả.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh sau mổ.

II. CHỈ ĐỊNH:

- Người bệnh có vết thương đặt ống dẫn lưu.
- Băng thấm dịch.
- Thay túi chứa mới.

III. CÁC BƯỚC CÔNG VIỆC:

1. Chuẩn bị NB:

- ĐD mang khẩu trang đến kiểm tra số phòng, số giường, họ tên, tuổi NB.
- Báo và giải thích cho NB biết việc sắp làm.
- Quan sát và đánh giá tình trạng vết thương.
- Vệ phòng rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh, soạn dụng cụ đầy đủ và phù hợp.

2. Chuẩn bị dụng cụ:

❖ Dụng cụ vô khuẩn:

- Khăn trải vô khuẩn.
- 2 kềm Kelly.
- Kéo (nếu cần).
- Tim vải (tối thiểu 3 tim).
- Chum đựng dung dịch rửa: Betadine 10% pha NaCl 0,9% theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Chum đựng dung dịch sát khuẩn: cồn iode 1%.
- Gòn viên, gòn bao.
- Chất trơn (nếu da xung quanh có rôm lở).
- Bơm tiêm 10ml.
- Hoặc bộ thay băng dẫn lưu đóng gói sẵn + chất trơn (nếu da xung quanh có rôm lở).

❖ Dụng cụ sạch:

- Mâm.
- Băng keo.
- Bồn hạt đậu hoặc túi chất thải lâm sàng.
- Găng tay.
- Kềm sạch hoặc găng tay sạch.
- 1 tấm lót không thấm.
- Dung dịch sát khuẩn tay nhanh.

3. Tiến hành kỹ thuật: (tiếp liệu gòn khi rửa):

- ĐD mang khẩu trang đến kiểm tra số phòng, số giường, họ tên, tuổi NB.
- Báo và giải thích cho NB biết việc sắp làm.
- Chuẩn bị NB ở tư thế thích hợp, để mâm nơi thuận tiện, gần vết thương.
- Phơi bày vết thương (giữ cho NB được kín đáo và thoải mái)

- Đặt tấm lót không thấm dưới vết thương.
- Gỡ băng keo phần còn lại.
- Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh.
- Mang găng tay.
- Dùng kèm hoặc găng tay sạch gỡ bỏ băng dơ, sát khuẩn tay nhanh lại, mang găng tay sạch (nếu cần).
- Mở bao gói bộ thay băng dẫn lưu.
- Rót dung dịch rửa vết thương và dung dịch sát khuẩn vào chum.
- Rửa đường giữa (ngay vết khâu), hai bên chân chỉ và vùng da xung quanh vết khâu rộng ra 5cm.
- Đặt gạc che chở vết thương và rộng ra 5cm.
- Rửa sát chân ống dẫn lưu, kể đến rửa thân ống (rửa từ chân ống lên thân ống 5cm).
- Rửa vùng da xung quanh rộng ra 5 cm.
- Lau khô da xung quanh ống dẫn lưu.
- Sát khuẩn vùng da xung quanh ống bằng cồn iode 1^o/_{oo} rộng 5cm (nếu da không rom lở). Trường hợp da xung quanh vết thương bị rom lở, thoa chất trơn lên vùng da xung quanh. Đặt 1 miếng gạc sát bên chân ống dẫn lưu.
- Cắt môi chỉ may ngay chân ống và da.
- Dùng bơm tiêm rút kiểm tra ống dẫn lưu còn dịch hay không?
- Dùng kèm rửa kẹp chân ống dẫn lưu, bấm ống.
- Xoay ống qua - lại cho không còn dính chặt. Sau đó vừa xoay vừa rút lên từ từ cho đến hết.
- Rửa ngay miệng vết thương (kiểm tra miệng vết thương có thấy tổ chức cơ quan bên trong theo ống dẫn lưu ra ngoài không?)
- Nặn dịch.
- Rửa bên trong vết thương bằng tim vải.
- Rửa lại ngay miệng vết thương.
- Rửa xung quanh miệng vết thương rộng ra cách miệng vết thương 5 cm.
- Lau khô da xung quanh vết thương.
- Sát khuẩn da xung quanh bằng cồn iode 1%.
- Nhét dẫn lưu tim vải (nếu cần).
- Đắp gạc/gòn bao lên vết thương.
- Rút tấm lót không thấm ra.
- Tháo găng tay.
- Dán băng keo cố định băng.
- Báo cho NB biết việc đã xong, trả người bệnh lại tiện nghi.
- Thu dọn dụng cụ mang về phòng.

4. Dọn dẹp dụng cụ:

- Xử lý chất thải đúng quy định.
- Ngâm ngập dụng cụ trong dung dịch khử khuẩn – trả về chỗ cũ hoặc gửi đi tiệt khuẩn.
- Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh.

5. Ghi hồ sơ:

- Ngày, giờ chăm sóc vết thương có rút ống dẫn lưu.
- Vị trí vết thương.
- Tình trạng vết thương.
- Dung dịch rửa vết thương.
- Da chung quanh vết thương có bị rom lở không?

- Tiến triển của vết thương (tốt hay xấu).
- Họ và tên người thực hiện.

IV. AN TOÀN NGƯỜI BỆNH :

1. Các nguy cơ tai biến, cách phòng ngừa và xử trí khi tai biến xảy ra:

TT	TAI BIẾN, BIẾN CHỨNG	PHÒNG NGỪA	XỬ LÝ
1	Chảy máu	Thực hiện kỹ thuật thay băng nhẹ nhàng, đúng kỹ thuật.	- Rửa vết thương, đắp gạc, gòn bao che kín vết thương. - Tiếp tục theo dõi tình trạng vết thương để đánh giá tình trạng chảy máu.
2	Nhiễm trùng ngược dòng	Chăm sóc vết thương đảm bảo đúng kỹ thuật vô khuẩn.	- Chăm sóc vết thương đảm bảo đúng kỹ thuật vô khuẩn.
3	Nhiễm trùng chân dẫn lưu	Chăm sóc vết thương đảm bảo đúng kỹ thuật vô khuẩn.	- Theo dõi DHST, tình trạng: sưng nóng, đỏ, đau của vết mổ. - Thay băng và thực hiện thuốc kháng sinh theo y lệnh.
4	Tổn thương vùng da xung quanh	- Chăm sóc vết thương đảm bảo đúng kỹ thuật vô khuẩn. - Sử dụng dung dịch và sát khuẩn da đúng cách. - Dùng băng keo dán vừa đủ. Khi NB dị ứng băng keo nên sử dụng băng cuộn. - Vệ sinh da, giữ da luôn khô và sạch. - Tháo băng keo phải nhẹ nhàng tránh làm tổn thương da. - Thay băng ngay sau khi dịch thấm ướt băng để tránh tình trạng dịch thấm ra ngoài da gây kích ứng da.	- Sử dụng chất trơn bôi vùng da xung quanh rơm lở. - Không dùng cồn sát khuẩn vùng da bị rơm lở.
5	Đau, khó chịu cho NB	- Báo, giải thích cho người bệnh.	- Báo, giải thích cho người bệnh. - Trấn an NB. - Thuốc giảm đau nếu có.

2. Đảm bảo an toàn cho người bệnh:

- Rửa vết mổ trước, dẫn lưu sau.
- Dẫn lưu sạch trước, nhiễm sau.
- Xoay ống dẫn lưu qua - lại trước khi rút, vừa rút vừa xoay ống nhẹ nhàng.
- Nhét tim vải phải chừa mỗi bên ngoài.
- Đặt NB nằm nghiêng về phía dẫn lưu.
- Hướng dẫn NB chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý.

V. BẢNG KIỂM LƯỢNG GIÁ DỰA THEO CHUẨN NĂNG LỰC:

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	TIÊU CHUẨN LƯỢNG GIÁ
1	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh: lời nói, cử chỉ động viên khuyến khích người bệnh, thông báo, giải thích việc sắp làm (TCNL 10 ; 11).	5	<ul style="list-style-type: none"> - Báo và giải thích rõ mục đích của kỹ thuật, những yêu cầu hỗ trợ từ người bệnh, những can thiệp trên người bệnh trước khi thực hiện kỹ năng cho người bệnh hiểu và hợp tác. - Luôn giải thích từng bước của kỹ thuật cho người bệnh yên tâm trong lúc thực hiện kỹ thuật. - Nói chuyện, trấn an và quan sát sắc diện người bệnh trong suốt quá trình thực hiện kỹ thuật.
2	Nhận định tình trạng người bệnh – chuẩn bị dụng cụ phù hợp (TCNL 1, 2).	5	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận định tình trạng vết thương: vị trí, loại vết thương có ống dẫn lưu, nguyên nhân gây ra vết thương, thời gian xảy ra: màu sắc, sưng, nóng, đỏ, đau. Số lượng, màu sắc tính chất dịch tiết, tình trạng da xung quanh vết thương có ống dẫn lưu. - Nhận định người bệnh: tuổi, tổng trạng, thân nhiệt, dinh dưỡng, bệnh lý kèm theo, thuốc đang sử dụng. - Tùy theo tình trạng vết thương, lựa chọn dụng cụ phù hợp, kiểm tra lại dụng cụ đầy đủ và phù hợp, chuẩn bị sẵn sàng trong việc thực hiện kỹ thuật.
3	Thực hiện kỹ năng theo đúng quy trình và an toàn và thoải mái cho người bệnh (TCNL 5.2 ; 5.3 ; 6)	25	
	- Bộc lộ vết thương an toàn (tháo băng dơ)	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác nhẹ nhàng, tránh làm tổn thương vết thương và vùng da chung quanh, tránh phơi bày vết thương quá lâu. - Tạo tư thế người bệnh thoải mái, kín đáo trong suốt quá trình thay băng.
	- Mở mâm dụng cụ đúng cách, lấy kèm an toàn.	5	Mở mâm dụng cụ an toàn, không phạm vào vùng vô khuẩn của mâm/làm nhiễm các dụng cụ vô khuẩn.
	Chăm sóc vết thương đúng kỹ thuật: - Rửa chân ống dẫn lưu.	5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dung dịch phù hợp, nhiệt độ thích hợp. - Rửa sát chân ống dẫn lưu, kể đến rửa thân

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	TIÊU CHUẨN LƯỢNG GIÁ
	- Rút ống dẫn lưu đúng cách.		<p>ống và miệng ống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp liệu gòn phù hợp: kèm tiếp liệu cao hơn kèm chăm sóc, tiếp liệu nơi túi rác/giấy lót. Giấu mũi kèm trong gòn, không để chạm hai mũi kèm với nhau. - Thao tác đủ mạnh, nhẹ nhàng tránh tổn thương mô. - Xoay ống dẫn lưu qua - lại trước khi rút, vừa rút vừa xoay ống nhẹ nhàng. - Không để rớt lại tơ gòn/gạc ở chân ống dẫn lưu. - Tuân thủ nguyên tắc : trong → ngoài, trên → dưới, xa → gần.
	<p>Chăm sóc vùng da xung quanh vết thương đúng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa vùng da xung quanh vết thương. - Lau khô. - Sát khuẩn vùng da xung quanh vết thương. 	5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dung dịch phù hợp, nhiệt độ thích hợp. - Tiếp liệu gòn phù hợp: kèm tiếp liệu cao hơn kèm chăm sóc, tiếp liệu nơi túi rác/giấy lót. Giấu mũi kèm trong gòn, không để chạm hai mũi kèm với nhau. - Thao tác đủ mạnh, nhẹ nhàng tránh tổn thương mô. - Dùng gạc chậm khô (nếu cần), không để rớt lại tơ gòn/gạc bên trong vết thương. - Tuân thủ nguyên tắc : trong → ngoài, trên → dưới, xa → gần. - Rửa/sát khuẩn da đủ rộng (5 cm).
	<p>Che chở vết thương an toàn, đúng cách :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đắp gạc che kín vết thương rộng 5 cm. - Cố định bông băng đúng cách. 	5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kích cỡ băng phù hợp, băng kín đủ rộng (3-5cm) tùy theo tình trạng vết thương. - Giữ cho mặt bông băng vùng tiếp xúc với vết thương được vô khuẩn. - Băng kín, đủ rộng phủ choàng ra ngoài rìa vết thương 3 – 5 cm. - Sử dụng băng keo cố định bông băng chắc chắn, thẩm mỹ, vừa đủ để hạn chế tổn thương vùng da xung quanh/dị ứng. - Thao tác nhanh, nhẹ nhàng, tránh phơi bày vết thương quá lâu.
4	Tuân thủ các qui định về vô khuẩn, tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh trong suốt quá trình	5	<ul style="list-style-type: none"> - Không vi phạm một trong các bước quan trọng (bôi đen). - Áp dụng nguyên tắc vô khuẩn ngoại khoa khi thực hiện kỹ thuật. Nếu sai phạm phải có ý thức xử lý.

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	TIÊU CHUẨN LƯỢNG GIÁ
	thực hiện kỹ năng (TCNL 5.1 ; 6.3).		
5	Thiết lập môi trường chăm sóc an toàn và hiệu quả, tuân thủ các yêu cầu về phòng chống nhiễm khuẩn và xử lý chất thải y tế, dụng cụ đúng quy định, thu dọn dụng cụ đúng cách. (TCCNL 6.3 ; 20.1 ; 20.2 ; 20.4)	5	<ul style="list-style-type: none"> - Mang dụng cụ bảo hộ đúng cách và đúng lúc: mang găng tay, khẩu trang khi thay băng và tháo sau khi không còn nguy cơ lây nhiễm. - Rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh trước và sau khi thực hiện kỹ thuật. - Xử lý chất thải y tế đúng ngay tại nguồn : phân biệt được chất thải y tế lây nhiễm và chất thải y tế thông thường. - Thu dọn dụng cụ tránh lây nhiễm cho môi trường xung quanh, cho người bệnh và bản thân.
6	Đảm bảo chăm sóc liên tục : ghi hồ sơ cụ thể, chính xác và đúng theo qui định của Bộ Y Tế. (TCNL 8 ; 16)	5	Ghi hồ sơ đầy đủ nội dung yêu cầu : ngày giờ thay băng, tình trạng vết thương trước và sau rút dẫn lưu, dung dịch, loại băng sử dụng, thuốc đắp lên vết thương (nếu có), đặt tim vải vào vị trí vừa rút dẫn lưu (nếu có), phản ứng của người bệnh, nội dung giáo dục cho người bệnh và người nhà NB trong việc giúp cho vết thương mau lành, tên của người thực hiện.
	TỔNG CỘNG	50	

VI. BIỂU MẪU ÁP DỤNG :

TT	Tên biểu mẫu	Mã số	Thời gian lưu tối thiểu	Nơi lưu
1	Phiếu kế hoạch chăm sóc NB cấp II, III	31/PĐD/ BV - 01	10 – 20 năm	Kho HSBA

**KỸ THUẬT CHĂM SÓC VẾT THƯƠNG
VÀ RÚT ỐNG DẪN LƯU**

TT	CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH	THANG ĐIỂM														
		0	1	2	3	4	0	1	2	3	4	0	1	2	3	4
1	ĐD mang khẩu trang đến kiểm tra số phòng, số giường, họ tên, tuổi NB.															
2	Báo và giải thích cho NB biết việc sắp làm.															
3	Quan sát và đánh giá tình trạng vết thương.															
4	Rửa tay thường quy/ sát khuẩn tay nhanh.															
5	<p>Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ và phù hợp.</p> <p>❖ Dụng cụ vô khuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khăn trải vô khuẩn. - 2 kềm Kelly. - Kéo (nếu cần). - Tim vải (tối thiểu 3 tim). - Chum đựng dung dịch rửa: Betadine 10% pha NaCl 0,9% theo hướng dẫn của nhà sản xuất. - Chum đựng dung dịch sát khuẩn: cồn iode 1%. - Gòn viên, gòn bao. - Chất trơn (nếu da xung quanh có rôm lở). - Bơm tiêm 10ml. - Hoặc bộ thay băng dẫn lưu đóng gói sẵn + chất trơn (nếu da xung quanh có rôm lở). <p>❖ Dụng cụ sạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mâm. - Băng keo. - Bồn hạt đậu hoặc túi chất thải lâm sàng. - Găng tay. - Kềm sạch hoặc găng tay sạch. - 1 tấm lót không thấm. - Dung dịch sát khuẩn tay nhanh. 															
6	Mang dụng cụ đến, kiểm tra số phòng, số giường, họ tên, tuổi NB.															
7	Báo và giải thích lại cho NB biết việc sắp làm.															

29	Rửa bên trong vết thương bằng tím vải.																		
30	Rửa lại ngay miệng vết thương.																		
31	Rửa xung quanh miệng vết thương rộng ra cách miệng vết thương 5 cm.																		
32	Lau khô da xung quanh ống.																		
33	Sát khuẩn da xung quanh ống bằng cồn iode 10/00.																		
34	Nhét dẫn lưu tím vải (nếu cần).																		
35	Đắp gạc/ gòn bao lên vết thương.																		
36	Rút tẩm lót không thấm ra.																		
37	Tháo găng tay.																		
38	Dán băng keo cố định băng.																		
39	Báo cho NB biết việc đã xong, để người bệnh lại tiện nghi.																		
40	Thu dọn dụng cụ, xử lý chất thải y tế lây nhiễm đúng cách.																		
41	Rửa tay thường quy/ sát khuẩn tay nhanh.																		
42	Ghi hồ sơ.																		
TỔNG CỘNG																			
ĐIỂM ĐẠT(Tỷ lệ %)																			
Phân loại (Đánh dấu (✓) vào loại đạt)	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Tốt																
	<input type="checkbox"/> Khá	<input type="checkbox"/> Khá	<input type="checkbox"/> Khá																
	<input type="checkbox"/> TB	<input type="checkbox"/> TB	<input type="checkbox"/> TB																
	<input type="checkbox"/> Yếu	<input type="checkbox"/> Yếu	<input type="checkbox"/> Yếu																
Ngày đánh giá																			
Người được đánh giá (tên ĐD)																			
Người đánh giá																			
Khoa																			

Ngày tháng	Nhận xét (Ghi rõ nội dung)	Lỗi lần (1,2,3...)	Biện pháp khắc phục (Ghi rõ nội dung)		Đánh giá kết quả khắc phục (ghi rõ ngày đánh giá lại)
			Hướng dẫn	Điều chỉnh	

1. Hướng dẫn cách tính điểm:

- 0 điểm: Không thực hiện được.
- 1 điểm: Có thực hiện nhưng không đạt hoặc làm sai.
- 2 điểm: Đạt nhưng chưa đầy đủ.
- 3 điểm: Đạt tốt, đúng theo tiêu chuẩn.
- 4 điểm: Đạt rất tốt, thành thạo.

2. Phân loại : (Đánh dấu (✓) vào loại đạt)

- Tốt: $\geq 85\%$
- Khá: $\geq 71\%$ ($71\% \rightarrow < 85\%$)
- Trung bình : $< 71\%$ ($50\% \rightarrow < 71\%$)
- Yếu: $< 50\%$

3. Hình thức xử lý: (Đánh dấu (✓) vào ô chọn)

- Nhắc nhở
- Phê bình
- Kỷ luật

★ **Hướng dẫn hình thức xử lý theo phân loại:**

- 1. Nhắc nhở: Trung bình($61 \rightarrow < 71\%$)
- 2. Phê bình: Trung bình($50 \rightarrow 60\%$)
- 3. Kỷ luật: Yếu